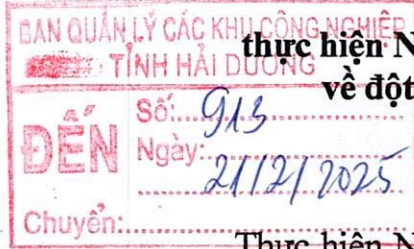


CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia



Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với các nội dung như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt sâu sắc, toàn diện các nội dung và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Chấp hành Trung ương phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Nghị quyết 03/NQ-CP ngày 09/02/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW và cụ thể hóa Chương trình hành động của Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát bằng những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với lộ trình phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm đáp ứng được mục tiêu đề ra; đề cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố quyết định phát triển của tỉnh; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để đưa tỉnh Hải Dương phát triển giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

(1) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất

hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa tỉnh Hải Dương phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

(2) Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và cũng là nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

(3) Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng các cơ chế, chính sách bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

(4) Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trên cơ sở xác định lĩnh vực then chốt, nội dung trọng tâm, trọng điểm thiết thực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; tập trung ưu tiên các ngành, lĩnh vực như: công nghiệp chế biến, chế tạo; du lịch, dịch vụ; công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số; y tế, giáo dục và đào tạo, quản lý đô thị, giao thông, bảo vệ tài nguyên và môi trường, an ninh trật tự...

(5) Bảo đảm an ninh quốc gia, an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức, không để lộ lọt thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước là yêu cầu xuyên suốt, then chốt để đột phá; đồng thời là phần không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Hải Dương thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước về ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với tiềm lực, trình độ khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở một số lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và ở một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ khu vực, quốc gia, quốc tế. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, giàu đẹp, văn minh, kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Duy trì mục tiêu tăng trưởng GRDP trung bình giai đoạn 2025-2030 của tỉnh đạt 12%/năm trở lên.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức từ 55% trở lên. Quy mô kinh tế số đạt từ 30% GRDP trở lên.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 100%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 90%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) phần đầu đạt 0,8.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) phần đầu đạt 2% GRDP, trong đó tỷ trọng kinh phí từ xã hội chiếm trên 60%; Phần đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển của tỉnh. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông rộng ngang tầm các tỉnh trong vùng, khu vực; từng bước ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, nano, thông tin di động 5G, 6G..., thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại 2 địa phương đủ điều kiện (thành phố Hải Dương và Chí Linh); thu hút các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

- Thực hiện quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức trung bình cao trong các tỉnh. Hải Dương thuộc các tỉnh bảo đảm về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

- Thu hút ít nhất 01 tổ chức, doanh nghiệp có uy tín về công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

2.2. Đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh phát triển vững chắc, góp phần đưa Hải Dương trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng, phát triển đạt mức khá so với các địa phương trong cả nước; chỉ số đổi mới sáng tạo được cải thiện, nâng lên mức thuộc top 15 vào năm 2035 và top 10 tỉnh đứng đầu cả nước năm 2045. Hải Dương có quy mô kinh tế số đạt từ 50% GRDP trở lên. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số nổi trội so với các tỉnh trong Vùng đồng bằng Sông Hồng.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

1.1. Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng đa dạng hóa, thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

1.2. Xây dựng chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh, truyền hình và mạng xã hội; thường xuyên tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên các trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan.

1.3. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

1.4. Triển khai văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm.

1.5. Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyên đổi số. Chú trọng biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

1.6. Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước gắn với việc đánh giá chất lượng hoạt động cơ quan, đơn vị.

1.7. Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%; xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân; cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chính sách, quy định của Trung ương về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

2.1. Rà soát, đề xuất các bộ, ngành tham mưu ban hành các văn bản tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; đề xuất và hoàn thiện quy định pháp luật theo thẩm quyền để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số; nghiên cứu triển khai quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; xây dựng, ban hành và triển khai theo thẩm quyền quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh

phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng; nghiên cứu, đề xuất xây dựng quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; tham gia góp ý hoàn thiện các hồ sơ sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan; xây dựng kế hoạch triển khai Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

2.2. Rà soát, đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư; triển khai cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia; triển khai danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; triển khai Đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

2.3. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Kết luận của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

2.4. Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Triển khai Đề án/Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực.

3.2. Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược.

3.3. Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử

dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

3.4. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu.

3.5. Ban hành, triển khai kế hoạch ứng dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số; xây dựng Chương trình/Kế hoạch phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, hạ tầng số; hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.

3.6. Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh cho 02 đô thị có đủ điều kiện (thành phố Hải Dương và Chí Linh).

3.7. Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...; xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, 6G..., IoT trong các khu, cụm công nghiệp của tỉnh; hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội.

3.8. Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Chiến lược dữ liệu tỉnh Hải Dương đến năm 2030 và theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu của tỉnh để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp của tỉnh phục vụ Chuyển đổi số.

3.9. Tiếp tục đầu tư và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu tỉnh. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT.

3.10. Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.

3.11. Xây dựng và triển khai các dự án đầu tư lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

4.1. Tập trung nguồn lực thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Ban hành chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ nhân lực có trình độ cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp

nhu cầu của tỉnh, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu.

4.2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM (mô hình giáo dục theo cách tiếp cận liên thông), thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên; triển khai Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới; tăng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục đại học và tạo thuận lợi cho thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư; triển khai quy định về chính sách cấp học bổng cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước; triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác; Đổi mới chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo.

4.3. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc gia, quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Triển khai Đề án chuyển đổi số tỉnh Hải Dương năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5.2. Triển khai Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh theo mô hình của Trung ương.

5.3. Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

5.4. Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số.

5.5. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.6. Triển khai các nền tảng số về giám sát, thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

5.7. Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án của Trung ương về nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các lực lượng về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

5.8. Triển khai các tiêu Đề án/Kế hoạch phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: định danh tàu thuyền; định danh địa điểm; xây dựng sàn giao dịch việc làm; xây dựng sàn giao dịch bất động sản; xây dựng sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền; phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo; phát triển kinh tế đêm; mô hình du lịch thông tin; đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.

5.9. Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.

5.10. Triển khai thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh; triển khai Đề án chuyển đổi số, bệnh án điện tử tại một số bệnh viện đủ điều kiện của tỉnh.

5.11. Xây dựng các đề án, dự án ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, trọng tâm là đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch để phát triển công nghiệp văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

5.12. Phân tích bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh ở những lĩnh vực thiết yếu, và dự báo chuyên sâu dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn...

5.13. Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử.

5.14. Đẩy mạnh số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

5.15. Xây dựng văn hóa cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

5.16. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch để phát triển công nghiệp văn hóa, thu hút khách du lịch; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thể thao thông minh, tiện ích góp phần nâng cao sức khỏe người dân; hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao thành tích cho các vận động viên. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu về văn hóa, thể thao, du lịch, số hóa các di sản, bảo tàng, thư viện... Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1. Triển khai đánh giá mức độ chuyên đổi số doanh nghiệp; xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyên đổi số; triển khai đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi số quốc gia, công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.

6.2. Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy mô lớn về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện.

6.3. Phân đầu hình thành 01 cụm/khu công nghiệp để ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ thông tin.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

7.1. Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại Khu Kinh tế chuyên biệt, khu/cụm công nghiệp của tỉnh.

7.2. Học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh Hải Dương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng Ban.

2. Đảng ủy UBND tỉnh:

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; đưa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 05 năm, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh; phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

- Chỉ đạo bố trí ngân sách, tập trung thu hút mọi nguồn lực đầu tư, trong đó bảo đảm ngân sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định để tổ chức thực hiện. Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

- Chỉ đạo, tham mưu hợp nhất Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh, Ban chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh và Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh Hải Dương thành một Ban chỉ đạo do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hải Dương và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Chương trình hành động, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Chương trình hành động; hướng dẫn tăng cường tuyên truyền các nội dung của Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh. Đồng thời chủ trì theo dõi, đôn đốc và tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để chỉ đạo.

5. Đảng bộ 12 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Nghị quyết 57-NQ/TW trên địa bàn do đồng chí bí thư cấp ủy làm trưởng ban, đồng chí chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố làm phó trưởng ban trên nguyên tắc: Không tăng biên chế, không tăng chi phí, tinh gọn bộ máy, đảm bảo yêu cầu chỉ đạo, giải quyết công việc kịp thời và hiệu quả.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/cáo),
- Ban cán sự đảng Chính phủ (để b/cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
Văn phòng Trung ương đảng (để b/cáo),
- Ban cán sự đảng Bộ KHCN (để b/cáo),
- Ban cán sự đảng Bộ TT&TT (để b/cáo),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- BCSD, Đảng đoàn, ban xây dựng đảng TU, MTTQ và
tổ chức CTXH tỉnh,
- Các sở, ngành,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUTTTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Trần Đức Thắng